

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27/2007/TT-BTC

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2007

**THÔNG TƯ****hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư  
và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc  
nguồn vốn ngân sách nhà nước**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003, Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005;*

*Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 và số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 71/2005/NĐ-CP ngày 06/6/2005 của Chính phủ về Quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù;*

*Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước (NSNN) như sau:*

**Phần I****QUY ĐỊNH CHUNG**

I. Thông tư này áp dụng cho các dự án đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn NSNN (sau đây gọi chung là dự án) do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước (sau đây gọi chung là Bộ), các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) và các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là huyện) quản lý.

Thông tư này không áp dụng cho các dự án thuộc ngân sách cấp xã; các dự án đầu tư của cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài; dự án mua sắm hữu bản quyền.

2. Vốn NSNN (bao gồm vốn trong nước của các cấp NSNN, vốn vay nợ nước ngoài của Chính phủ và vốn viện trợ của nước ngoài cho Chính phủ, các cấp chính quyền và các cơ quan nhà nước) chỉ thanh toán cho các dự án đầu tư thuộc đối tượng được sử dụng vốn NSNN theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Các dự án đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư phát triển hoặc bằng nguồn vốn chi sự nghiệp trong dự toán NSNN, các dự án đầu tư sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó có tách riêng nguồn vốn NSNN đầu tư cho các hạng mục, công việc hoặc các dự án đầu tư sử dụng nhiều nguồn vốn nhưng không thể tách riêng được vốn NSNN mà nguồn vốn đầu tư từ NSNN có tỷ trọng lớn nhất trong tổng mức vốn đầu tư của dự án phải có đủ thủ tục đầu tư và xây dựng, được bố trí vào kế hoạch đầu tư và kế hoạch chi sự nghiệp hàng năm của Nhà nước và có đủ điều kiện được thanh toán vốn theo quy định tại Thông tư này.

4. Cơ quan tài chính các cấp thực hiện công tác quản lý tài chính vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư

thuộc nguồn vốn NSNN. Cơ quan Kho bạc Nhà nước và các đơn vị được giao nhiệm vụ kiểm soát thanh toán vốn đầu tư có trách nhiệm kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ, đúng chế độ cho các dự án khi đã có đủ điều kiện thanh toán vốn.

Các tổ chức ngân hàng thương mại là ngân hàng phục vụ đối với các dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (gọi tắt là ODA) phải tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn và quản lý tài chính dự án ODA tùy thuộc chức năng và nhiệm vụ được giao.

## Phần II

### QUY ĐỊNH CỤ THỂ

#### A. LẬP KẾ HOẠCH, PHÂN BỐ, THẨM TRA PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ

#### I. CÁC DỰ ÁN CHỈ ĐƯỢC BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ HÀNG NĂM CỦA NHÀ NƯỚC KHI CÓ ĐỦ CÁC ĐIỀU KIỆN SAU

1. Đối với các dự án quy hoạch: có đề cương hoặc nhiệm vụ dự án quy hoạch và dự toán chi phí công tác quy hoạch được duyệt theo thẩm quyền.

2. Đối với các dự án chuẩn bị đầu tư: phải phù hợp với quy hoạch phát triển ngành và lãnh thổ được duyệt; có dự toán chi phí công tác chuẩn bị đầu tư được duyệt theo thẩm quyền.

3. Đối với các dự án thực hiện đầu tư: phải có quyết định đầu tư từ thời điểm trước 31 tháng 10 năm trước năm kê hoạch, có thiết kế, dự toán và tổng dự toán được duyệt theo quy định.

Trường hợp dự án được bố trí vốn trong kế hoạch thực hiện đầu tư nhưng chỉ để làm công tác chuẩn bị thực hiện dự án thì phải có quyết định đầu tư và dự toán chi phí công tác chuẩn bị thực hiện dự án được duyệt.

Đối với dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A, nếu chưa có tổng dự toán được duyệt thì công trình, hạng mục công trình thi công trong năm kê hoạch phải có thiết kế và dự toán được duyệt, chậm nhất là đến khi thực hiện được 30% giá trị xây dựng trong tổng mức đầu tư phải có tổng dự toán được duyệt; nếu các dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A có các tiểu dự án hoặc dự án thành phần thì từng tiểu dự án hoặc dự án thành phần được quản lý như một dự án độc lập.

Thời gian và vốn để bố trí kế hoạch thực hiện các dự án nhóm B không quá 4 năm, các dự án nhóm C không quá 2 năm.

## II. LẬP KẾ HOẠCH, PHÂN BỐ VÀ THẨM TRA PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ NĂM

### 1. Lập kế hoạch:

- Theo quy định của Luật NSNN về việc lập dự toán NSNN hàng năm, căn cứ vào tiền độ và mục tiêu thực hiện dự án, chủ đầu tư lập kế hoạch vốn đầu tư của dự án gửi cơ quan quản lý cấp trên.

- Các Bộ tổng hợp, xem xét và lập kế hoạch vốn đầu tư gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính. Ủy ban nhân dân các tỉnh lập dự toán ngân sách địa phương về phần kế hoạch vốn đầu tư xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội quyết định và giao chi tiêu kế hoạch vốn đầu tư cho các Bộ và các tỉnh.

- Thời gian lập, trình, duyệt, giao kế hoạch vốn đầu tư theo quy định của Luật NSNN.

### 2. Phân bổ vốn:

2.1. Đối với vốn đầu tư thuộc Trung ương quản lý: các Bộ phân bổ kế hoạch vốn đầu tư cho từng dự án thuộc phạm vi quản lý đã đủ các điều kiện quy định, đảm

báo khớp đúng với chỉ tiêu được giao về tổng mức đầu tư; cơ cấu vốn trong nước, vốn ngoài nước, cơ cấu ngành kinh tế; mức vốn các dự án quan trọng của Nhà nước và đúng với Nghị quyết Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ về điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN hàng năm.

2.2. Đối với vốn đầu tư thuộc địa phương quản lý: Ủy ban nhân dân các cấp lập phương án phân bổ vốn đầu tư trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định. Theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phân bổ và quyết định giao kế hoạch vốn đầu tư cho từng dự án thuộc phạm vi quản lý đã đủ các điều kiện quy định, đảm bảo khớp đúng với chỉ tiêu được giao về tổng mức đầu tư; cơ cấu vốn trong nước, vốn ngoài nước, cơ cấu ngành kinh tế; mức vốn các dự án quan trọng của Nhà nước và đúng với Nghị quyết Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ về điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN hàng năm.

Sở Tài chính có trách nhiệm cùng với Sở Kế hoạch và Đầu tư dự kiến phân bổ vốn đầu tư cho từng dự án do tỉnh quản lý trước khi báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Phòng Tài chính Kế hoạch huyện có trách nhiệm cùng với các cơ quan chức năng của huyện tham mưu cho Ủy ban

nhân dân huyện phân bổ vốn đầu tư cho từng dự án do huyện quản lý.

Riêng đối với các dự án được đầu tư bằng các nguồn vốn được để lại theo Nghị quyết của Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương còn phải tuân thủ các quy định về đối tượng đầu tư và mục tiêu sử dụng của từng nguồn vốn đầu tư.

2.3. Nguyên tắc phân bổ vốn cho các dự án trong kế hoạch năm:

- Đảm bảo các điều kiện của dự án được bố trí kế hoạch vốn đầu tư theo quy định tại mục I khoản A phần II Thông tư này.

- Đảm bảo theo quy định tại điểm 2.1 và 2.2 trên đây.

- Bố trí đủ vốn để thanh toán cho các dự án đã đưa vào sử dụng và đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành mà còn thiếu vốn; bố trí vốn để thanh toán chi phí kiểm toán, thẩm tra phê duyệt quyết toán của các dự án hoàn thành nhưng chưa được thanh toán do chưa phê duyệt quyết toán.

- Trường hợp dự án được bố trí vốn trong kế hoạch thực hiện đầu tư nhưng chỉ để làm công tác chuẩn bị thực hiện dự án thì cần ghi chú rõ trong bản phân bổ vốn.

(Mẫu biểu kế hoạch vốn đầu tư theo phụ lục số 01 kèm theo).

3. Sau khi phân bổ vốn đầu tư, các Bộ và UBND các tỉnh, thành phố gửi kế hoạch vốn đầu tư cho Bộ Tài chính; các huyện gửi kế hoạch vốn đầu tư cho Sở Tài chính.

4. Giao kế hoạch vốn cho các chủ đầu tư:

Sau khi việc phân bổ vốn đã được cơ quan Tài chính thẩm tra, chấp thuận, các Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, các huyện giao chỉ tiêu kế hoạch cho các chủ đầu tư để thực hiện, đồng gửi Kho bạc nhà nước nơi dự án mở tài khoản để theo dõi, làm căn cứ kiểm soát, thanh toán vốn.

5. Thẩm tra và thông báo danh mục dự án và vốn đầu tư:

5.1. Đối với dự án do các Bộ quản lý:

- Bộ Tài chính thẩm tra phương án phân bổ vốn đầu tư theo quy định tại điểm 2.3 trên đây, thông báo danh mục và vốn các dự án đã đủ thủ tục đầu tư và đảm bảo các quy định về điều kiện bố trí vốn cho từng Bộ, đồng gửi Kho bạc nhà nước để làm căn cứ kiểm soát thanh toán vốn.

- Trường hợp phân bổ chưa đúng theo quy định, Bộ Tài chính có văn bản đề nghị các Bộ điều chỉnh lại.

5.2. Đối với dự án thuộc tỉnh, huyện quản lý:

- Căn cứ kế hoạch vốn đầu tư đã được Ủy ban nhân dân quyết định, Sở Tài chính tỉnh, Phòng Tài chính Kế hoạch huyện xem xét thủ tục đầu tư xây dựng của các dự án, thông báo gửi các ngành thuộc tỉnh, huyện, đồng gửi Kho bạc nhà nước để làm căn cứ kiểm soát thanh toán vốn.

- Trường hợp dự án không đủ thủ tục đầu tư xây dựng hoặc việc phân bổ kế hoạch chưa đúng với quy định, Sở Tài chính, Phòng Tài chính Kế hoạch có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân đồng cấp để chỉ đạo hoàn tất thủ tục theo quy định.

5.3. Chủ đầu tư phải gửi cơ quan Tài chính các cấp các tài liệu cơ sở của các dự án trong kế hoạch để thẩm tra, thông báo danh mục thanh toán vốn của các dự án đầu tư (các tài liệu này chỉ gửi một lần cho đến khi dự án kết thúc đầu tư, trừ trường hợp phải bổ sung, điều chỉnh), bao gồm:

- Đối với dự án quy hoạch: văn bản phê duyệt đề cương hoặc nhiệm vụ dự án quy hoạch và dự toán chi phí cho công tác quy hoạch.

- Đối với dự án chuẩn bị đầu tư: văn bản phê duyệt dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư.

- Đối với dự án thực hiện đầu tư: dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo

cáo kinh tế - kỹ thuật đối với dự án chi lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật) kèm quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có), quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật (đối với dự án thiết kế 3 bước) hoặc quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công (đối với dự án thiết kế 1 bước và 2 bước) và quyết định phê duyệt tổng dự toán.

### III. ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ HÀNG NĂM

#### I. Nguyên tắc:

- Định kỳ, các Bộ, địa phương rà soát tiến độ thực hiện và mục tiêu đầu tư của các dự án trong năm để điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư, chuyển vốn từ các dự án không có khả năng thực hiện sang các dự án thực hiện vượt tiến độ, còn nợ khối lượng, các dự án có khả năng hoàn thành vượt kế hoạch trong năm.

- Trước khi gửi kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư từng dự án cho cơ quan Tài chính, các Bộ, địa phương làm việc với Kho bạc nhà nước để xác định số vốn thuộc kế hoạch năm đã thanh toán cho dự án, số vốn còn thừa do không thực hiện được, đảm bảo cho kế hoạch của dự án sau khi điều chỉnh không thấp hơn số vốn Kho bạc nhà nước đã thanh toán.

- Trường hợp sau khi đã điều chỉnh mà còn thừa vốn so với kế hoạch giao thì số vốn thừa được điều chỉnh cho đơn vị khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Cơ quan Tài chính các cấp rà soát để thông báo danh mục và vốn của các dự án điều chỉnh theo quy định trên đây.

3. Thời hạn điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư hàng năm kết thúc chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch.

(Mẫu biểu điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư theo phụ lục số 02 kèm theo).

### B. THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

#### I. MỞ TÀI KHOẢN

##### 1. Đối với vốn trong nước:

Chủ đầu tư được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước nơi thuận tiện cho việc kiểm soát thanh toán và thuận tiện cho giao dịch của chủ đầu tư.

##### 2. Đối với vốn nước ngoài:

Chủ đầu tư được mở tài khoản tại ngân hàng phục vụ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và ngân hàng.

### II. TÀI LIỆU CƠ SỞ CỦA DỰ ÁN

Đề phục vụ cho công tác quản lý, kiểm soát thanh toán vốn đầu tư, chu

đầu tư phải gửi đến Kho bạc nhà nước nơi mở tài khoản thanh toán các tài liệu cơ sở của dự án (các tài liệu này đều là bản chính hoặc bản sao y bản chính, chỉ gửi một lần cho đến khi dự án kết thúc đầu tư, trừ trường hợp phải bổ sung, điều chỉnh), bao gồm:

### 1. Đối với dự án quy hoạch:

- Văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt đề cương hoặc nhiệm vụ dự án quy hoạch;

- Dự toán chi phí cho công tác quy hoạch được duyệt;

- Văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

- Hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu.

### 2. Đối với dự án chuẩn bị đầu tư:

- Dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư được duyệt;

- Văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

- Hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu.

### 3. Đối với dự án thực hiện đầu tư:

#### 3.1. Đối với dự án vốn trong nước:

- Dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với dự án chi lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật) kèm quyết định đầu tư của cấp có thẩm

quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);

- Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật (đối với dự án thiết kế 3 bước) hoặc quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công (đối với dự án thiết kế 1 bước và 2 bước) và quyết định phê duyệt tổng dự toán kèm theo tổng dự toán;

- Văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu (gồm đấu thầu, chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, chào hàng cạnh tranh, tự thực hiện và lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt);

- Hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu (gồm các tài liệu đi kèm bản hợp đồng: bản tiên lượng của hồ sơ mời thầu; bản tiên lượng tính giá dự thầu kèm theo biểu giá chi tiết của nhà thầu và các điều kiện thay đổi về giá (nếu có), điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng);

- Dự toán chi tiết được duyệt của từng công việc, hạng mục công trình đối với các gói thầu chỉ định thầu và tự thực hiện.

3.2. Đối với dự án ODA: ngoài các tài liệu theo quy định nêu trên, cần có:

- + Bản dịch bằng tiếng Việt có chữ ký và dấu của chủ đầu tư của: Hiệp định tín dụng, sổ tay giải ngân (nếu có). Riêng hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu phải là văn bản bằng tiếng Việt hoặc bản dịch bằng tiếng Việt có chữ ký và dấu của chủ đầu tư;

+ Bảo lãnh tạm ứng (nếu có) theo quy định cụ thể của Hợp đồng (kể cả trường hợp dự án vốn trong nước nhưng do nhà thầu nước ngoài thi công).

4. Đối với công tác chuẩn bị đầu tư nhưng bố trí vốn trong kế hoạch thực hiện đầu tư cần có dự toán chi phí cho các công việc chuẩn bị đầu tư được duyệt.

5. Đối với công việc chuẩn bị thực hiện dự án nhưng bố trí vốn trong kế hoạch thực hiện đầu tư:

- Dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với dự án chi lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật) kèm quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền;

- Dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị thực hiện dự án được duyệt; Riêng việc giải phóng mặt bằng phải kèm theo phương án giải phóng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

- Hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu.

### III. TẠM ỨNG VÀ THU HỒI VỐN TẠM ỨNG

1. Đối tượng được tạm ứng vốn và mức vốn tạm ứng:

1.1. Đối với gói thầu thi công xây dựng:

- Giá trị gói thầu dưới 10 tỷ đồng, mức tạm ứng bằng 20% giá trị hợp đồng;

- Giá trị gói thầu từ 10 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng, mức tạm ứng bằng 15% giá trị hợp đồng;

- Giá trị gói thầu từ 50 tỷ đồng trở lên, mức tạm ứng bằng 10% giá trị hợp đồng.

1.2. Đối với gói thầu mua sắm thiết bị (kể cả thiết bị nhập khẩu và thiết bị mua trong nước):

Mức tạm ứng vốn do nhà thầu và chủ đầu tư thỏa thuận trên cơ sở tiến độ thanh toán trong hợp đồng nhưng tối thiểu 10% giá trị gói thầu.

Vốn tạm ứng được thanh toán theo tiến độ thanh toán tiền của chủ đầu tư đối với nhà thầu được quy định trong hợp đồng và được thực hiện cho đến khi thiết bị đã nhập kho của chủ đầu tư (đối với thiết bị không cần lắp) hoặc đã được lắp đặt xong và nghiệm thu (đối với thiết bị cần lắp).

1.3. Đối với gói thầu hoặc dự án thực hiện theo hợp đồng EPC:

- Tạm ứng vốn cho việc mua sắm thiết bị căn cứ vào tiến độ cung ứng trong hợp đồng (như quy định tạm ứng cho thiết bị);



- Các công việc khác, mức tạm ứng là 15% giá trị hợp đồng.

1.4. Đối với các hợp đồng tư vấn, quy hoạch:

Mức vốn tạm ứng theo thỏa thuận trong hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu nhưng tối thiểu là 25% giá trị hợp đồng.

1.5. Đối với công việc đền bù giải phóng mặt bằng: được cấp vốn tạm ứng, mức vốn tạm ứng theo tiến độ thực hiện nhưng không vượt kế hoạch vốn cả năm đã được bố trí. Trường hợp xây dựng khu tái định cư hoặc xây dựng công trình mới để thực hiện việc đền bù thì thực hiện tạm ứng như đối với dự án hoặc gói thầu thi công xây dựng.

1.6. Đối với các dự án cấp bách như xây dựng và tu bổ đê điều, công trình vượt lũ, thoát lũ, công trình giông, các dự án khắc phục ngay hậu quả lũ lụt thiên tai, mức vốn tạm ứng là 50% kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền quyết định.

1.7. Đối với một số cấu kiện, bán thành phẩm trong xây dựng có giá trị lớn phải được sản xuất trước để đảm bảo tiến độ thi công và một số loại vật tư đặc chủng, vật tư phải dự trữ theo mùa, nếu cần thiết phải tạm ứng nhiều hơn mức vốn tạm ứng theo quy định trên đây, thì mức vốn tạm ứng theo nhu cầu cần thiết của việc sản xuất, nhập khẩu và dự trữ các loại vật

tư nói trên nhưng không vượt kế hoạch vốn hàng năm.

1.8. Mức vốn tạm ứng theo quy định tại mục 1 trên đây không vượt kế hoạch vốn hàng năm đã bố trí cho gói thầu. Trường hợp vốn tạm ứng chưa đủ theo mức quy định do kế hoạch vốn năm bố trí thấp hơn mức vốn được tạm ứng, dự án được tiếp tục tạm ứng trong kế hoạch năm sau cho đến khi đạt mức tỷ lệ tạm ứng theo quy định.

2. Thu hồi vốn tạm ứng:

2.1. Đối với gói thầu thi công xây dựng: vốn tạm ứng được thu hồi dần khi thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định sau đây:

- Thời điểm bắt đầu thu hồi:

+ Các gói thầu có giá trị dưới 10 tỷ đồng: khi thanh toán đạt 30% giá trị hợp đồng;

+ Các gói thầu có giá trị từ 10 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng: khi thanh toán đạt 25% giá trị hợp đồng;

+ Các gói thầu có giá trị từ 50 tỷ đồng trở lên: khi thanh toán đạt 20% giá trị hợp đồng.

- Vốn tạm ứng được thu hồi hết khi gói thầu được thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng;

- Trường hợp vốn tạm ứng chưa thu hồi hết do gói thầu chưa được thanh toán

đạt đến tỷ lệ quy định trên nhưng dự án không được ghi tiếp kế hoạch hoặc bị đình thi công, chủ đầu tư phải giải trình với Kho bạc nhà nước về tình hình sử dụng số vốn tạm ứng chưa được thu hồi, đồng thời báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý;

- Trường hợp đã được tạm ứng vốn mà gói thầu không triển khai thi công theo đúng thời hạn quy định trong hợp đồng, chủ đầu tư phải giải trình với Kho bạc nhà nước và có trách nhiệm hoàn trả số vốn đã tạm ứng.

2.2. Đối với gói thầu mua sắm thiết bị: vốn tạm ứng được thu hồi vào từng lần thanh toán khối lượng thiết bị hoàn thành.

- Đối với thiết bị không cần lắp, khi thiết bị đã được nghiệm thu và nhập kho chủ đầu tư, chủ đầu tư có trách nhiệm gửi chứng từ đến Kho bạc nhà nước để làm thủ tục thanh toán khối lượng thiết bị hoàn thành và thu hồi hết số vốn đã tạm ứng;

- Đối với thiết bị cần lắp, khi thiết bị đã lắp đặt xong, chủ đầu tư gửi chứng từ đến Kho bạc nhà nước để làm thủ tục thanh toán khối lượng thiết bị hoàn thành và thu hồi hết số vốn đã tạm ứng.

Trường hợp đã tạm ứng vốn mà hết thời hạn quy định trong hợp đồng vẫn không nhận được thiết bị, chủ đầu tư

phải giải trình với Kho bạc nhà nước và có trách nhiệm hoàn trả số vốn đã tạm ứng.

2.3. Đối với gói thầu hoặc dự án thực hiện theo hợp đồng EPC: vốn tạm ứng cho các công việc được thu hồi như quy định thu hồi vốn tạm ứng đối với công việc tương ứng.

2.4. Đối với các hợp đồng tư vấn, quy hoạch:

Vốn tạm ứng được thu hồi vào từng lần thanh toán cho khối lượng công việc tư vấn, quy hoạch hoàn thành theo nguyên tắc:

- Thời điểm thu hồi bắt đầu khi thanh toán khối lượng hoàn thành;

- Số vốn thu hồi bằng số vốn thanh toán nhân với (x) tỷ lệ cấp vốn tạm ứng.

2.5. Đối với công việc đền bù giải phóng mặt bằng, vốn tạm ứng được thu hồi vào kỳ thanh toán khối lượng hoàn thành của công việc này.

2.6. Đối với các dự án cấp bách như xây dựng và tu bổ đê điều, công trình vượt lũ, thoát lũ, công trình giống, các dự án khắc phục ngay hậu quả lũ lụt thiên tai, vốn tạm ứng được thu hồi khi vốn thanh toán đạt 30% kế hoạch năm và thu hồi hết khi vốn thanh toán đạt 80% kế hoạch năm.

2.7. Đối với một số cấu kiện, bán thành phẩm trong xây dựng có giá trị lớn phải

được sản xuất trước để đảm bảo tiến độ thi công và một số loại vật tư đặc chủng, vật tư phải dự trữ theo mùa, vốn tạm ứng được thu hồi khi thanh toán khối lượng hoàn thành và được thu hồi hết khi thanh toán khối lượng đạt 80% giá trị hợp đồng.

2.8. Mức thu hồi vốn tạm ứng của các loại hợp đồng có thể cao hơn mức quy định trên đây nếu chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất đề nghị.

2.9. Trường hợp vốn tạm ứng cho một số công việc (như đền bù giải phóng mặt bằng,...) mà vì lý do bất khả kháng chưa chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư phải gửi tiền ở Kho bạc nhà nước hoặc các tổ chức tín dụng, nếu phát sinh lãi thì phải nộp toàn bộ số tiền lãi phát sinh vào NSNN.

2.10. Trường hợp đến hết niên độ kế hoạch mà vốn tạm ứng chưa thu hồi hết do gói thầu chưa được thanh toán đạt đến tỷ lệ quy định thì tiếp tục thu hồi trong kế hoạch năm sau và không trừ vào kế hoạch thanh toán vốn đầu tư năm sau.

### 3. Về tài liệu tạm ứng vốn:

Ngoài tài liệu cơ sở như quy định tại mục II trên đây, chủ đầu tư gửi đến Kho bạc nhà nước Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư và Giấy rút vốn đầu tư.

Đối với một số cấu kiện, bán thành

phẩm trong xây dựng có giá trị lớn phải được sản xuất trước để đảm bảo tiến độ thi công và một số loại vật tư đặc chủng, vật tư phải dự trữ theo mùa, cần bổ sung thêm các tài liệu sau: Hợp đồng của nhà thầu đối với đơn vị gia công chế tạo hoặc nhập khẩu cấu kiện, vật tư hoặc biên bản xác nhận giữa chủ đầu tư và nhà thầu về cấu kiện, bán thành phẩm, vật tư đặc chủng, vật tư phải dự trữ theo mùa vụ đã tập kết tại hiện trường.

4. Việc tạm ứng vốn được thực hiện trong thời hạn thanh toán của kế hoạch vốn và có thể tạm ứng một hoặc nhiều lần căn cứ vào nhu cầu thanh toán vốn tạm ứng nhưng không vượt mức vốn tạm ứng theo quy định nêu trên.

## IV. THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH

1. Thanh toán khối lượng xây dựng công trình hoàn thành:

1.1. Khối lượng xây dựng công trình hoàn thành theo hình thức chi định thầu hoặc hình thức tự thực hiện dự án được thanh toán là giá trị khối lượng thực hiện được nghiệm thu theo hợp đồng đã ký kết và có đủ điều kiện sau:

- Khối lượng nghiệm thu phải đúng thiết kế bản vẽ thi công được duyệt và có trong kế hoạch đầu tư năm được giao;

- Có dự toán chi tiết được duyệt theo đúng quy định hiện hành về định mức đơn giá của Nhà nước.

1.2. Khối lượng xây dựng công trình hoàn thành theo hình thức đấu thầu hoặc theo hợp đồng EPC được thanh toán là khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu theo tiến độ, có trong hợp đồng đã ký, có trong kế hoạch đầu tư năm được giao.

Căn cứ thời gian thực hiện hợp đồng, tính chất hợp đồng, việc thanh toán thực hiện theo các phương thức sau đây:

- Thanh toán theo giá trọn gói (giá khoán gọn): chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu theo giá khoán gọn trong hợp đồng khi nhà thầu hoàn thành các nghĩa vụ theo đúng hợp đồng;

- Thanh toán theo đơn giá cố định: chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu các công việc hoàn thành theo đơn giá đã được xác định trước trong hợp đồng;

- Thanh toán theo giá điều chỉnh: áp dụng cho những gói thầu mà tại thời điểm ký hợp đồng không đủ điều kiện xác định chính xác về số lượng và khối lượng hoặc có biến động lớn về giá cả do Nhà nước thay đổi và hợp đồng có thời gian thực hiện trên 12 tháng.

Trường hợp khối lượng phát sinh tăng hoặc giảm so với khối lượng trong hợp đồng nhưng trong phạm vi của hồ sơ mời

thầu và không do lỗi của nhà thầu thì khối lượng phát sinh tăng giảm phải phù hợp với các điều kiện cụ thể quy định trong hợp đồng, có văn bản phê duyệt, được tính theo đơn giá của hợp đồng. Giá trị hợp đồng sau khi điều chỉnh không được vượt dự toán, tổng dự toán hoặc giá gói thầu trong kế hoạch đấu thầu được duyệt, trừ trường hợp được người có thẩm quyền cho phép.

Những khối lượng phát sinh vượt hoặc ngoài hợp đồng, ngoài phạm vi của hồ sơ mời thầu phải có văn bản phê duyệt (nếu khối lượng phát sinh được đấu thầu) hoặc dự toán bổ sung được duyệt (nếu khối lượng phát sinh được chỉ định thầu) của cấp có thẩm quyền cao về khối lượng và đơn giá.

Trên cơ sở khối lượng đã nghiệm thu, chủ đầu tư và nhà thầu xác định tiến độ thực hiện theo hợp đồng để đề nghị thanh toán.

1.3. Khi có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu, chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi Kho bạc nhà nước, bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng hoặc biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình để đưa vào sử dụng kèm theo bản tính giá trị khối lượng được nghiệm thu;

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;
- Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có thanh toán tạm ứng);
- Giấy rút vốn đầu tư.

Đối với khối lượng xây dựng công trình hoàn thành theo hình thức đấu thầu, Kho bạc nhà nước căn cứ vào tiến độ thực hiện do chủ đầu tư và nhà thầu xác định trên cơ sở hợp đồng và khối lượng nghiệm thu để thanh toán.

2. Thanh toán khối lượng thiết bị hoàn thành:

2.1. Khối lượng thiết bị hoàn thành được thanh toán là khối lượng thiết bị có đủ các điều kiện sau:

- Danh mục thiết bị phải phù hợp với quyết định đầu tư và có trong kế hoạch đầu tư được giao;
- Có trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu;
- Đã được chủ đầu tư nhập kho (đối với thiết bị không cần lắp) hoặc đã lắp đặt xong và đã được nghiệm thu (đối với thiết bị cần lắp đặt).

2.2. Khi có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu, chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi Kho bạc nhà nước, bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu theo quy định. Trường hợp thiết bị không cần lắp thì gửi

biên bản nghiệm thu giữa chủ đầu tư và nhà thầu theo hợp đồng;

- Hóa đơn (đối với thiết bị mua trong nước) trường hợp chi định thầu (bản sao y bản chính có chữ ký và dấu của chủ đầu tư);

- Các chứng từ vận chuyển, bảo hiểm, thuế, phí lưu kho (trường hợp chưa được tính trong giá thiết bị);

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;
- Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có thanh toán tạm ứng).
- Giấy rút vốn đầu tư.

3. Thanh toán khối lượng công tác tư vấn hoàn thành:

3.1. Khối lượng công tác tư vấn hoàn thành được thanh toán là khối lượng thực hiện được nghiệm thu có trong hợp đồng và kế hoạch đầu tư năm được giao.

3.2. Khi có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu, chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi Kho bạc nhà nước, bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoặc biên bản bàn giao khối lượng công việc tư vấn hoàn thành hoặc báo cáo kết quả hoàn thành. Trường hợp hợp đồng thanh toán theo thời gian có bảng kê chi phí do chủ đầu tư lập;
- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;

- Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có thanh toán tạm ứng);

- Giấy rút vốn đầu tư.

4. Thanh toán khối lượng hoàn thành khác:

Ngoài các công việc đã thuê tư vấn, các loại công việc khác được thanh toán khi đã có đủ các căn cứ chứng minh công việc đã được thực hiện như sau:

- Đối với lệ phí cấp đất xây dựng, thuê chuyên quyền sử dụng đất: phải có hóa đơn, chứng từ hợp lệ của cơ quan thu tiền;

- Đối với chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng: phải có bản xác nhận khối lượng đền bù đã thực hiện; hợp đồng và biên bản bàn giao nhà (trường hợp mua nhà phục vụ di dân giải phóng mặt bằng). Riêng chi phí cho công tác tổ chức đền bù giải phóng mặt bằng phải có dự toán được duyệt.

Đối với công tác đền bù, giải phóng mặt bằng phải xây dựng các công trình (bao gồm cả xây dựng nhà di dân giải phóng mặt bằng): việc tạm ứng, thanh toán được thực hiện như đối với các dự án hoặc gói thầu xây dựng công trình.

- Các chi phí khởi công, nghiệm thu, chạy thử, khánh thành: phải có văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép (trừ trường hợp chạy thử), dự toán được duyệt và bảng kê chi phí do chủ đầu tư lập;

- Các chi phí chuyên gia, đào tạo công nhân kỹ thuật và cán bộ quản lý sản xuất: phải có hợp đồng, dự toán chi phí được duyệt, bảng kê chi phí do chủ đầu tư lập;

- Đối với chi phí bảo hiểm công trình: phải có hợp đồng bảo hiểm;

- Đối với chi phí quản lý dự án:

+ Các chi phí theo tỷ lệ (%), thanh toán theo định mức quy định;

+ Các chi phí theo hợp đồng (kể cả trường hợp thuê tư vấn quản lý dự án), thanh toán theo quy định của hợp đồng;

+ Các chi phí phải lập theo dự toán, thanh toán theo dự toán được duyệt.

- Đối với các chi phí trong công quy hoạch, chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện dự án: phải có dự toán được duyệt, hợp đồng, bản nghiệm thu khối lượng công việc hoặc báo cáo kết quả công việc hoàn thành;

- Đối với chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán: Trường hợp thuê kiểm toán, phải có hợp đồng; trường hợp do cơ quan chuyên môn thẩm tra, phải có dự toán được duyệt.

5. Thời hạn, hình thức thanh toán:

- Căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán do chủ đầu tư gửi đến, trong vòng 7 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Kho bạc nhà nước kiểm soát, cấp vốn

cho chủ đầu tư, đồng thời theo đề nghị của chủ đầu tư, thay mặt chủ đầu tư thanh toán trực tiếp cho các nhà thầu, thu hồi vốn tạm ứng theo đúng quy định;

- Kế hoạch vốn năm đã bố trí cho dự án chỉ được thanh toán trong thời hạn năm kế hoạch theo quy định của Luật NSNN. Quá thời hạn thanh toán, khối lượng đã thực hiện nhưng chưa thanh toán phải bố trí vào kế hoạch năm sau để thanh toán.

6. Những dự án đầu tư có vốn nước ngoài hoặc những gói thầu tổ chức đấu thầu quốc tế mà trong Hiệp định tín dụng ký giữa Chính phủ Việt Nam với nhà tài trợ có quy định về việc tạm ứng vốn (đòi tượng được tạm ứng, điều kiện và mức tạm ứng, thu hồi vốn tạm ứng) và việc thanh toán khác với các quy định nêu trên thì được thực hiện theo quy định trong Hiệp định.

7. Chủ đầu tư phải bố trí đủ vốn trong kế hoạch hàng năm để mua bảo hiểm công trình xây dựng. Nhà nước không thanh toán cho chủ đầu tư để bù đắp các chi phí thiệt hại, rủi ro thuộc phạm vi bảo hiểm nếu chủ đầu tư không mua bảo hiểm công trình xây dựng theo quy định hiện hành.

8. Số vốn thanh toán cho từng công việc, hạng mục công trình, công trình không được vượt dự toán hoặc giá trúng thầu; tổng số vốn thanh toán cho dự án

không được vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt.

Số vốn thanh toán cho dự án trong năm (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) không được vượt kế hoạch vốn cả năm đã bố trí cho dự án.

9. Đối với một số dự án đặc biệt quan trọng cần phải có cơ chế tạm ứng, thanh toán vốn khác với các quy định trên đây, sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền, Bộ Tài chính sẽ có văn bản hướng dẫn riêng.

10. Việc quản lý, thanh toán, thu hồi và quyết toán nguồn vốn ứng trước dự toán ngân sách năm sau cho các dự án được thực hiện như sau:

10.1. Đối với các dự án do các Bộ quản lý:

- Việc ứng trước được thực hiện theo quy định của khoản 3, Điều 57 Luật NSNN số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002 và Điều 61 Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN;

- Sau khi dự án được cấp có thẩm quyền cho phép ứng trước, Bộ Tài chính thông báo cho Bộ quản lý về tổng mức ứng, nguồn vốn ứng, niên độ ứng và thu hồi, đồng gửi Kho bạc nhà nước; thông báo mức vốn đầu tư ứng trước sang Kho bạc nhà nước để thanh toán cho dự án;

- Thời hạn thanh toán: vốn ứng trước của kế hoạch năm nào được thông nhất với thời hạn thanh toán vốn đầu tư của kế hoạch năm đó. Hết thời hạn thanh toán, Kho bạc nhà nước làm thủ tục hủy bỏ mức vốn ứng trước chưa sử dụng;

- Thu hồi: các Bộ có trách nhiệm bố trí kế hoạch vốn cho dự án trong dự toán ngân sách năm sau để hoàn trả vốn ứng trước. Khi thông báo danh mục dự án và vốn đầu tư kế hoạch hàng năm, Bộ Tài chính thông báo đồng thời thu hồi vốn ứng trước, số thu hồi đúng bằng mức vốn được ứng trước. Trường hợp các Bộ không bố trí hoặc bố trí không đủ số vốn thu hồi, Bộ Tài chính thu hồi vốn ứng bằng cách trừ vào dự toán chi đầu tư được giao của Bộ và có văn bản thông báo cho Bộ đó biết để phối hợp thực hiện;

- Quyết toán vốn: vốn ứng trước của kế hoạch năm nào được quyết toán vào niên độ ngân sách năm đó, không quyết toán vào niên độ có phát sinh ứng vốn. Trường hợp dự án được thu hồi vốn ứng theo thời kỳ một số năm thì số vốn thu hồi của kế hoạch năm nào được quyết toán vào niên độ ngân sách năm đó, số vốn đã thanh toán nhưng chưa bố trí để thu hồi được chuyển sang năm sau quyết toán phù hợp với kế hoạch thu hồi vốn.

10.2. Đối với các dự án do địa phương quản lý:

- Việc ứng trước dự toán ngân sách của các cấp chính quyền địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định theo thẩm quyền, phù hợp với quy định của Luật NSNN số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002, Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN và Thông tư số 59/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003;

- Việc quản lý, thanh toán, thu hồi và quyết toán vốn ứng trước thực hiện tương tự như quy định tại điểm 10.1 trên đây.

## C. QUẢN LÝ, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH ĐẶC THÙ

### I. CÔNG TRÌNH BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

1. Loại công trình bí mật nhà nước theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 71/2005/NĐ-CP ngày 06/6/2005 của Chính phủ về Quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù.

Việc quản lý đầu tư xây dựng các công trình bí mật nhà nước thực hiện theo Nghị định số 71/2005/NĐ-CP ngày



06/6/2005 của Chính phủ về Quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù.

Việc lập kế hoạch, phân bổ và thông báo vốn đầu tư; kiểm soát, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư các công trình bí mật nhà nước thực hiện theo quy định như đối với vốn đầu tư nguồn NSNN. Riêng đối với các dự án bí mật nhà nước do Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quản lý, Bộ Tài chính chuyển vốn trực tiếp cho Bộ Công an và Bộ Quốc phòng để tiếp nhận, quản lý cấp phát, thanh quyết toán vốn đầu tư cho các dự án.

2. Lập kế hoạch, phân bổ và thông báo vốn đầu tư:

- Việc lập kế hoạch, phân bổ và thông báo vốn đầu tư thực hiện theo quy định như đối với vốn đầu tư nguồn NSNN, trong đó phân rõ danh mục và vốn của các dự án bí mật nhà nước;

- Đối với các dự án bí mật nhà nước do Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quản lý, Bộ Tài chính thẩm tra việc phân bổ và thông báo danh mục và vốn của các dự án đã đủ điều kiện sang Bộ Công an và Bộ Quốc phòng để quản lý, kiểm soát, thanh toán vốn cho các dự án.

3. Chuyển vốn, cấp phát, thanh toán vốn:

- Việc chuyển vốn, cấp phát, thanh toán vốn đầu tư thực hiện theo quy định như đối với vốn đầu tư nguồn NSNN.

Đối với các dự án bí mật nhà nước do Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quản lý, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng mở tài khoản tiền gửi tại Sở Giao dịch Kho bạc nhà nước để tiếp nhận nguồn vốn do Bộ Tài chính chuyển sang;

- Căn cứ kế hoạch vốn hàng năm và tiến độ thực hiện của các dự án, Bộ Tài chính chuyển vốn cho Bộ Công an, Bộ Quốc phòng bằng hình thức lệnh chi tiền. Số vốn chuyển từng đợt căn cứ vào báo cáo tiến độ thực hiện các dự án và văn bản đề nghị chuyển vốn của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng. Sau ngày 31 tháng 01 năm sau, số dư trên tài khoản tiền gửi phải nộp trả ngân sách nhà nước;

- Bộ Công an, Bộ Quốc phòng tổ chức kiểm soát, thanh toán vốn cho các dự án bí mật nhà nước theo đúng quy định về kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư;

- Đối với các dự án bí mật nhà nước của các Bộ, ngành khác và các tỉnh quản lý, Kho bạc nhà nước chỉ nhận chứng từ rút vốn và chuyển tiền theo đề nghị của chủ đầu tư mà không kiểm soát về nội dung. Chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc kiểm soát nội dung thanh toán;

- Hết năm kế hoạch, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch, tình hình tiếp nhận và sử dụng vốn; xác nhận số vốn đã thanh toán trong

năm, lũy kế số vốn thanh toán từ khởi công đến hết niên độ NSNN cho từng dự án; nhận xét về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư, chấp hành các chế độ chính sách về tài chính.

## II. CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG THEO LỆNH KHẨN CẤP

1. Loại công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 71/2005/NĐ-CP ngày 06/6/2005 của Chính phủ về Quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù.

Việc quản lý đầu tư xây dựng các công trình theo lệnh khẩn cấp thực hiện theo Nghị định số 71/2005/NĐ-CP ngày 06/6/2005 của Chính phủ về Quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù.

2. Tạm ứng, thanh toán vốn:

2.1. Tạm ứng vốn:

- Hồ sơ đề tạm ứng vốn, bao gồm:
  - + Quyết định xây dựng công trình khẩn cấp của người có thẩm quyền;
  - Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;
  - + Giấy rút vốn đầu tư.
  - Mức vốn tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng:
    - + Mức vốn tạm ứng bằng 50% kế hoạch vốn đầu tư được giao;

+ Vốn tạm ứng được thu hồi dần vào các kỳ thanh toán khối lượng hoàn thành và thu hồi hết khi công trình hoàn thành.

2.2. Thanh toán khối lượng hoàn thành:

Việc kiểm soát, thanh toán vốn thực hiện theo định mức, đơn giá hiện hành. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Dự toán được duyệt;
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành giai đoạn thi công xây dựng hoặc hoàn thành bộ phận, hạng mục hoặc công trình xây dựng kèm theo bản tính giá trị khối lượng được nghiệm thu;
  - Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;
  - Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có thanh toán tạm ứng);
  - Giấy rút vốn đầu tư.

Từng lần thanh toán, Kho bạc nhà nước thực hiện theo đề nghị của người được giao quản lý, thực hiện công trình khẩn cấp nhưng trong phạm vi giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu và không vượt kế hoạch vốn được giao.

## III. CÔNG TRÌNH TẠM

1. Loại công trình tạm theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 71/2005/

NĐ-CP ngày 06/6/2005 của Chính phủ về Quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù.

## 2. Quản lý, tạm ứng, thanh toán vốn:

Việc quản lý, tạm ứng, thanh toán vốn cho các công trình tạm được thực hiện theo quy định tại phần B của Thông tư này và bổ sung như sau:

- Trường hợp thanh toán theo mức khoán quy định tại Thông tư số 04/2005/TT-BXD ngày 01/4/2005 của Bộ Xây dựng, được hạch toán vào tài khoản thanh toán khối lượng hoàn thành của dự án; ngoài tài liệu của dự án, hồ sơ thanh toán gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư, Giấy rút vốn đầu tư;

- Trường hợp đối với các công trình có quy mô lớn, phức tạp mà chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công được lập dự toán thì kiểm soát thanh toán theo dự toán được duyệt; ngoài các tài liệu của dự án, hồ sơ thanh toán gồm: Quyết định phê duyệt kèm theo dự toán được duyệt, Biên bản nghiệm thu hoàn thành kèm theo bảng tính giá trị khối lượng được nghiệm thu, Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư, Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có thanh toán tạm ứng), Giấy rút vốn đầu tư.

## D. QUẢN LÝ, THANH TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP CÓ TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ

### 1. Sử dụng vốn:

Vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư trong dự toán NSNN của các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp chỉ được sử dụng cho các trường hợp đầu tư cải tạo mở rộng, nâng cấp các cơ sở vật chất hiện có (bao gồm cả việc xây dựng mới các hạng mục công trình trong các cơ sở đã có của các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp). Không bố trí vốn sự nghiệp cho các dự án đầu tư mới.

### 2. Lập kế hoạch, phân bổ và thông báo vốn:

Việc lập kế hoạch, phân bổ, thẩm tra và thông báo vốn thực hiện theo quy định của Luật NSNN và hướng dẫn của Bộ Tài chính đối với vốn sự nghiệp.

### 3. Tạm ứng, thanh toán vốn:

#### 3.1. Tài liệu cơ sở:

- Các dự án có mức vốn từ 1 tỷ đồng trở lên, tài liệu cơ sở như đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư phát triển;

- Các dự án có mức vốn dưới 01 tỷ đồng, tài liệu cơ sở bao gồm:

+ Dự toán và quyết định phê duyệt thiết kế - dự toán;

+ Văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

+ Hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu.

### 3.2. Tạm ứng vốn:

- Đối với các dự án có tổng mức vốn từ 01 tỷ đồng trở lên, mức vốn tạm ứng và thu hồi vốn ứng được thực hiện như đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư phát triển;

- Đối với các dự án có tổng mức vốn dưới 01 tỷ đồng, mức vốn tạm ứng là 30% kế hoạch năm đã giao. Vốn tạm ứng được thu hồi dần vào từng kỳ thanh toán khối lượng hoàn thành và thu hồi hết trong năm kế hoạch. Số vốn tạm ứng thu hồi từng kỳ bằng số vốn thanh toán nhân với (x) tỷ lệ tạm ứng;

- Hồ sơ tạm ứng vốn gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư, Giấy rút vốn đầu tư.

### 3.3. Thanh toán vốn:

- NSNN chuyển nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư sang Kho bạc nhà nước để thanh toán theo quy định về quản lý, cấp phát vốn chi sự nghiệp;

- Các dự án có tổng mức vốn từ 01 tỷ đồng trở lên, việc thanh toán khối lượng hoàn thành thực hiện theo chế độ thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn NSNN;

- Các dự án có tổng mức vốn dưới 01 tỷ đồng, khi có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu, chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi Kho bạc nhà nước, bao gồm:

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành kèm bảng tính giá trị khối lượng thanh toán;

+ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;

+ Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có tạm ứng);

+ Giấy rút vốn đầu tư.

## E. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, QUYẾT TOÁN, KIỂM TRA

### I. BÁO CÁO

#### 1. Đối với chủ đầu tư:

- Định kỳ ngày 5 tháng đầu hàng quý, chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện đầu tư, thanh toán vốn của dự án gửi cấp quyết định đầu tư, Kho bạc nhà nước và cơ quan Tài chính đồng cấp (đối với dự án thuộc địa phương quản lý). Riêng đối với các dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A, chủ đầu tư gửi báo cáo vào ngày 20 hàng tháng cho Bộ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Kế

hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính đề tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

(Mẫu biểu theo phụ lục số 03 kèm theo).

- Kết thúc năm kế hoạch, chủ đầu tư lập báo cáo thực hiện vốn đầu tư trong năm gửi cấp quyết định đầu tư, Kho bạc nhà nước và cơ quan Tài chính đồng cấp (đối với dự án thuộc địa phương quản lý) vào ngày 10 tháng 02 năm sau.

(Mẫu biểu theo phụ lục số 04 kèm theo).

Báo cáo thực hiện vốn đầu tư trong năm phải phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, kết quả đầu tư trong năm, các vấn đề tồn tại và kiến nghị biện pháp giải quyết.

- Hết năm kế hoạch, chủ đầu tư lập bảng đối chiếu số liệu thanh toán vốn đầu tư cho từng dự án về số thanh toán trong năm, lũy kế số thanh toán từ khởi công đến hết niên độ NSNN, gửi Kho bạc nhà nước xác nhận.

(Mẫu biểu theo phụ lục số 07 kèm theo).

## 2. Đối với các Bộ, các tỉnh:

- Ngày 15 tháng đầu hàng quý, các Bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư, tình hình thanh toán vốn của các

dự án thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Xây dựng theo quy định.

(Mẫu biểu theo phụ lục số 05 kèm theo).

- Kết thúc năm kế hoạch, các Bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp báo cáo thực hiện vốn đầu tư trong năm gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Xây dựng vào ngày 20 tháng 02 năm sau.

(Mẫu biểu theo phụ lục số 06 kèm theo).

Báo cáo thực hiện vốn đầu tư trong năm phải phân tích đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, kết quả đầu tư trong năm (chi tiêu hiện vật), các vấn đề tồn tại và kiến nghị biện pháp giải quyết.

## 3. Đối với Kho bạc nhà nước:

- Thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định riêng của Bộ Tài chính;

- Kết thúc năm kế hoạch, Kho bạc nhà nước quyết toán sử dụng vốn đầu tư với cơ quan Tài chính đồng cấp theo quy định về quyết toán NSNN;

- Hết năm kế hoạch, Kho bạc nhà nước xác nhận số thanh toán trong năm, lũy kế số thanh toán từ khởi công đến hết niên độ NSNN cho từng dự án do chủ đầu tư lập.

## II. QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

Việc quyết toán vốn đầu tư hàng năm và quyết toán vốn đầu tư hoàn thành thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về chế độ quyết toán vốn đầu tư.

Trường hợp quyết toán đã được duyệt, nếu số vốn được quyết toán thấp hơn số vốn đã thanh toán cho dự án, chủ đầu tư có trách nhiệm thu hồi lại của nhà thầu để hoàn trả cho Nhà nước số vốn thanh toán thừa; nếu số vốn được quyết toán cao hơn số vốn đã thanh toán, chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán tiếp hoặc bố trí vốn vào kế hoạch năm sau để thanh toán cho nhà thầu.

## III. KIỂM TRA

Các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, cơ quan Tài chính, Kho bạc nhà nước định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra các chủ đầu tư, nhà thầu tham gia dự án về tình hình sử dụng vốn tạm ứng, vốn thanh toán khối lượng hoàn thành và việc chấp hành chính sách, chế độ tài chính đầu tư phát triển của Nhà nước.

Cơ quan Tài chính các cấp định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra Kho bạc nhà nước về việc thực hiện chế độ thanh toán vốn đầu tư.

## F. TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN

### I. ĐỐI VỚI CHỦ ĐẦU TƯ

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định. Tiếp nhận và sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm và có hiệu quả. Chấp hành đúng quy định của pháp luật về chế độ quản lý tài chính đầu tư phát triển;

- Chịu trách nhiệm về chất lượng công trình, sự đúng đắn, hợp pháp của khối lượng dự án hoặc tiến độ thực hiện khi thanh toán; đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp của các số liệu, tài liệu trong hồ sơ cung cấp cho Kho bạc nhà nước và các cơ quan chức năng của Nhà nước;

- Khi có khối lượng đã đủ điều kiện theo hợp đồng, tiến hành nghiệm thu kịp thời, lập đầy đủ hồ sơ thanh toán và đề nghị thanh toán cho nhà thầu trong thời hạn quy định;

- Báo cáo kịp thời, đầy đủ theo quy định cho cơ quan quyết định đầu tư và các cơ quan nhà nước có liên quan; cung cấp đủ hồ sơ, tài liệu, tình hình theo quy định cho Kho bạc nhà nước và cơ quan Tài chính để phục vụ cho công tác quản

lý và thanh toán vốn; chịu sự kiểm tra của cơ quan Tài chính và cơ quan quyết định đầu tư về tình hình sử dụng vốn đầu tư và chấp hành chính sách, chế độ tài chính đầu tư phát triển của Nhà nước;

- Thực hiện kế toán đơn vị chủ đầu tư; quyết toán vốn đầu tư theo quy định hiện hành;

- Được yêu cầu thanh toán vốn khi đã có đủ điều kiện và yêu cầu Kho bạc nhà nước trả lời và giải thích những điểm thấy chưa thỏa đáng trong việc thanh toán vốn.

## II. ĐỐI VỚI CÁC BỘ VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH, HUYỆN

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý thực hiện kế hoạch đầu tư, tiếp nhận và sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, đúng chế độ Nhà nước;

- Trong phạm vi thẩm quyền được giao, chịu trách nhiệm trước Chính phủ và pháp luật nhà nước về những quyết định của mình.

## III. ĐỐI VỚI CƠ QUAN TÀI CHÍNH CÁC CẤP

- Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư theo quy định;

- Đảm bảo đủ nguồn vốn theo quy định của Bộ Tài chính để Kho bạc nhà nước thanh toán cho các dự án;

- Thực hiện việc quyết toán vốn đầu tư theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

- Phối hợp với các cơ quan chức năng hướng dẫn và kiểm tra các chủ đầu tư, Kho bạc nhà nước, các nhà thầu thực hiện dự án về việc chấp hành chế độ, chính sách tài chính đầu tư phát triển, tình hình quản lý, sử dụng vốn đầu tư, tình hình thanh toán vốn đầu tư để có giải pháp xử lý các trường hợp vi phạm, ra quyết định thu hồi các khoản, nội dung chi sai chế độ Nhà nước;

- Được quyền yêu cầu Kho bạc nhà nước, chủ đầu tư cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về tài chính đầu tư phát triển, bao gồm các tài liệu phục vụ cho thẩm định dự án đầu tư và bố trí kế hoạch vốn đầu tư hàng năm, các tài liệu báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch và thực hiện vốn đầu tư theo quy định về chế độ thông tin báo cáo, các tài liệu phục vụ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư theo quy định.

## IV. ĐỐI VỚI CƠ QUAN KHO BẠC NHÀ NƯỚC

- Ban hành quy trình thanh toán vốn đầu tư để thực hiện thống nhất trong cả nước;

- Hướng dẫn chủ đầu tư mở tài khoản để tạm ứng và thanh toán vốn;

- Kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ cho dự án khi đã có đủ điều kiện và đúng thời gian quy định;

- Có ý kiến rõ ràng bằng văn bản cho chủ đầu tư đối với những khoản giảm thanh toán hoặc từ chối thanh toán, trả lời các thắc mắc của chủ đầu tư trong việc thanh toán vốn;

- Trường hợp phát hiện quyết định của các cấp có thẩm quyền trái với quy định hiện hành, phải có văn bản đề nghị xem xét lại và nêu rõ ý kiến đề xuất. Nếu quá thời gian quy định mà không được trả lời thì được quyền giải quyết theo đề xuất của mình; nếu được trả lời mà xét thấy không thỏa đáng thì vẫn giải quyết theo ý kiến của cấp có thẩm quyền, đồng thời phải báo cáo lên cơ quan có thẩm quyền cao hơn và báo cáo cơ quan Tài chính để xem xét, xử lý;

- Đơn đốc chủ đầu tư thanh toán dứt điểm công nợ khi dự án đã quyết toán và tất toán tài khoản;

- Thực hiện chế độ thông tin báo cáo và quyết toán sử dụng vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn NSNN theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính;

- Được quyền yêu cầu chủ đầu tư cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin theo chế độ

quy định để phục vụ cho công tác kiểm soát thanh toán vốn. Khi cần thiết được nắm tình hình thực tế tại hiện trường;

- Định kỳ và đột xuất kiểm tra các chủ đầu tư về tình hình thực hiện dự án, việc chấp hành chế độ, chính sách tài chính đầu tư phát triển, tình hình quản lý, sử dụng vốn đầu tư; Được phép tạm ngừng thanh toán vốn hoặc thu hồi số vốn mà chủ đầu tư sử dụng sai mục đích, sai đối tượng hoặc trái với chế độ quản lý tài chính của Nhà nước, đồng thời báo cáo Bộ Tài chính để xử lý;

- Không tham gia vào các Hội đồng nghiệm thu ở các công trình, dự án;

- Tổ chức công tác kiểm soát, thanh toán vốn theo quy trình nghiệp vụ thống nhất. Đơn giản thủ tục hành chính nhưng đảm bảo quản lý vốn chặt chẽ, thanh toán kịp thời, đầy đủ, thuận tiện cho chủ đầu tư;

- Hết năm kế hoạch, xác nhận số thanh toán trong năm, lũy kế số thanh toán từ khởi công đến hết niên độ NSNN cho từng dự án, nhận xét về việc chấp hành chế độ quản lý, chấp hành định mức đơn giá, các chế độ chính sách theo quy định;

- Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài chính và pháp luật của Nhà nước về việc nhận, sử dụng vốn NSNN và thanh toán trong đầu tư xây dựng.



## Phần III

## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Thông tư số 44/2003/TT-BTC ngày 15/5/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và xây dựng thuộc nguồn vốn NSNN, Thông tư số 45/2004/TT-BTC ngày 21/5/2004 của Bộ Tài chính bổ sung, sửa đổi một số điểm của Thông tư số 44/2003/TT-BTC ngày 15/5/2003 và Thông tư số 96/2004/TT-BTC ngày 13/10/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, thanh toán, thu hồi và quyết toán vốn ứng trước dự toán ngân sách năm sau cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản.

2. Đối với các khoản chi đầu tư phát triển khác từ NSNN (chi dự trữ nhà nước, chi hỗ trợ vốn lưu động cho doanh nghiệp, chi góp vốn cổ phần liên doanh, chi cho nước ngoài vay và viện trợ nước ngoài, chi cho các quỹ hỗ trợ phát triển) thực hiện theo các văn bản hướng dẫn riêng của từng loại chi nói trên.

3. Đối với các dự án đầu tư từ các nguồn vốn khác của Nhà nước ngoài nguồn NSNN cũng vận dụng những nguyên tắc thanh toán theo quy định tại Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Công Nghiệp

Bộ... (UBND tỉnh, thành phố)

Số...

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ THUỘC NSNN NĂM.....

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian K/công II/thành	QĐ đầu tư DA		QĐ đầu tư DA điều chỉnh lần cuối		QĐ phê duyệt TDT		Vốn đã thanh toán từ K/công đến hết KII năm trước	Kế hoạch vốn đầu tư năm 20....	Ghi chú
						Số, ngày	Tổng mức VĐT	Số, ngày	Tổng mức VĐT	Số, ngày	Tổng mức			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Tổng số													
	Vốn trong nước													
	Vốn ngoài nước													
AI	Nguồn vốn XD/CB tập trung													
I	Vốn Quy hoạch													
I	Dự án...													

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
II	Vốn chuẩn bị đầu tư													
I	Dự án...													
III	Vốn thực hiện dự án													
1	Ngành...													
1.1	Dự án nhóm A													
	Dự án...													
	Vốn trong nước													
	Vốn ngoài nước													
1.2	Dự án nhóm B													
	Dự án...													
	Vốn trong nước													
	Vốn ngoài nước													
1.3	Dự án nhóm C													
	Dự án...													
2	Ngành...													

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
A2	Nguồn để lại theo NQQH													
1	Dự án													
A3	Các nguồn vốn khác (CTMT...)													
1	Dự án...													

Ghi chú: + Trong mỗi loại dự án (nhóm A,B,C) thuộc mục A chia ra hoàn thành, chuyên tiếp, khởi công mới.  
+ Dự án không có vốn ngoài nước chỉ ghi một dòng.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Cơ quan tài chính.

....., ngày..... tháng.... năm 20....

Bộ trưởng (Chủ tịch UBND tỉnh)

Bộ... (UBND tỉnh, thành phố)

Số...

## KẾ HOẠCH (ĐIỀU CHỈNH) VỐN ĐẦU TƯ THUỘC NSNN NĂM.....

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian K/công II/thành	QD đầu tư DA		QD đầu tư DA điều chỉnh lần cuối		QD phê duyệt TĐT		Vốn đã thanh toán từ K/công đến hết KII năm trước	Kế hoạch vốn đầu tư năm 20...	Kế hoạch (điều chỉnh) vốn đầu tư năm 20...	Ghi chú
						Số, ngày	Tổng mức VĐT	Số, ngày	Tổng mức VĐT	Số, ngày	Tổng mức				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Tổng số														
	Vốn trong nước														
	Vốn ngoài nước														
A1	Nguồn vốn XDCB tập trung														
I	Vốn Quy hoạch														
I	Dự án...														

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
II	Vốn chuẩn bị đầu tư														
I	Dự án...														
III	Vốn thực hiện dự án														
I	Ngành...														
1.1	Dự án nhóm A														
	Dự án...														
	Vốn trong nước														
	Vốn ngoài nước														
1.2	Dự án nhóm B														
	Dự án...														
	Vốn trong nước														
	Vốn ngoài nước														
1.3	Dự án nhóm C														
	Dự án...														
2	Ngành...														

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
A2	Nguồn để lại theo NQ/II														
I	Dự án...														
A3	Các nguồn vốn khác (CTMT...)														
I	Dự án...														

Ghi chú: + Trong mỗi loại dự án (nhóm A, B, C) thuộc mục A chia ra hoàn thành, chuyển tiếp, khởi công mới.  
+ Dự án không có vốn ngoài nước chỉ ghi một dòng.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Cơ quan tài chính.

....., ngày..... tháng.... năm 20....

Bộ trưởng (Chủ tịch UBND tỉnh)

Bộ/UBND tỉnh....  
 Chủ đầu tư  
 Số...

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ QUÝ..... NĂM

A. Tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư các dự án:

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Kế hoạch vốn đầu tư năm...	Giá trị khối lượng thực hiện tại hiện trường (Lũy kế từ đầu năm đến quý báo cáo)	GTKL HT đã nghiệm thu (Lũy kế từ đầu năm đến quý báo cáo)			Vốn thanh toán (gồm cả tạm ứng và thanh toán KLIIT) (Lũy kế từ đầu năm đến quý báo cáo)			
				Tổng số	Trong đó		Tổng số		Chia ra	
					Thuộc KII năm trước	Thuộc KII năm nay	Tổng số	Trong đó vốn tạm ứng	Thuộc KII năm trước	Thuộc KII năm nay
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
a	Tổng số									
1	Vốn TIIDA									
	Dự án...									
	Trong đó: Vốn trong nước									
	Vốn ngoài nước									



1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	* Xây dựng									
	* Thiết bị									
	* Chi phí khác									
b	Vốn Quy hoạch									
c	Vốn CBDT									

B. Thuyết minh các tồn tại, vướng mắc, kiến nghị các biện pháp tháo gỡ.

Ghi chú: + Riêng dự án nhóm A phải báo cáo hàng tháng theo mẫu này và gửi báo cáo theo quy định.

+ Cột 4 là KLTH tại hiện trường, gồm GTKL thuộc KH năm trước được kéo dài và GTKL thuộc KH năm nay (gồm cả KL vượt KH năm trước được bố trí vào kế hoạch năm nay).

+ Cột số 6 là KLHT nằm trong kế hoạch vốn năm trước nhưng chưa thanh toán đến 31/12 năm trước, phải chuyển sang năm nay thanh toán do niên độ NSNN hoặc do được kéo dài theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

+ Cột 7 bao gồm cả KLHT năm trước thực hiện vượt kế hoạch vốn năm trước được bố trí vào kế hoạch năm nay.

+ Cột 10 thanh toán KLHT của cột 6.

+ Biểu báo cáo theo nguồn vốn XDCB tập trung, nếu có nguồn vốn khác đề nghị ghi rõ từng nguồn vốn.

Nơi nhận:

- Cấp quyết định đầu tư;
- Cơ quan Tài chính (đối với dự án địa phương);
- Cơ quan KBNN.

....., ngày..... tháng.... năm 20....

Chủ đầu tư

Bộ/UBND tỉnh...

Chủ đầu tư

Số...

## BÁO CÁO THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ NĂM 200...

Tên dự án:

Địa điểm XD

Thời gian khởi công - hoàn thành

Năng lực thiết kế

Tổng mức đầu tư được duyệt

Tổng dự toán được duyệt

A. Tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư của dự án:

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Kế hoạch vốn đầu tư năm...	Giá trị khối lượng thực hiện tại hiện trường		Giá trị khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu		Số vốn đã được thanh toán (gồm cả tạm ứng và thanh toán KLHT)				Giá trị khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu nhưng chưa được thanh toán		
							Trong năm kế hoạch		Lũy kế từ khởi công		Trong năm kế hoạch		Lũy kế từ khởi công
			Trong năm kế hoạch	Lũy kế từ khởi công	Trong năm kế hoạch	Lũy kế từ khởi công	Tổng số	Trong đó vốn tạm ứng	Tổng số	Trong đó vốn tạm ứng	Tổng số	KLHT trong kế hoạch vốn	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng số												
	* Vốn THDA												

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Trong đó: Vốn TN												
	Vốn NN												
1	Xây dựng												
2	Thiết bị												
3	Chi phí khác												
	* Vốn Quy hoạch												
	* Vốn CBĐT												

B. Thuyết minh các mục tiêu đạt được (về hiện vật), các tồn tại, vướng mắc, kiến nghị các biện pháp tháo gỡ.

Ghi chú: + Số liệu báo cáo theo biểu trên đến 31/12 hàng năm.

+ Cột 13: KLHT trong kế hoạch vốn nhưng chưa được thanh toán trong năm, được chuyển sang năm sau thanh toán theo niên độ NSNN quy định hoặc được kéo dài thanh toán theo quy định của cấp có thẩm quyền.

+ Biểu báo cáo theo nguồn vốn XD CB tập trung, nếu có nguồn vốn khác đề nghị ghi rõ từng nguồn vốn.

Nơi nhận:

- Cấp quyết định đầu tư;
- Cơ quan Tài chính (đối với dự án địa phương);
- Cơ quan KBNN.

....., ngày..... tháng.... năm 20....

Chủ đầu tư

Bộ... (UBND tỉnh, thành phố)

Số...

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ QUÝ... NĂM

A. Tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư các dự án:

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Kế hoạch vốn đầu tư năm...	Giá trị khối lượng thực hiện tại hiện trường (Lũy kế từ đầu năm đến quý báo cáo)	GTKL HT đã nghiệm thu (Lũy kế từ đầu năm đến quý báo cáo)		Vốn thanh toán (gồm cả tạm ứng) (Lũy kế từ đầu năm đến quý báo cáo)				
				Tổng số	Trong đó		Tổng số		Chia ra	
					Thuộc KH năm trước	Thuộc KH năm nay	Tổng số	Trong đó vốn tạm ứng	Thuộc KH năm trước	Thuộc KH năm nay
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	<b>Tổng số</b>									
A	Vốn XD CB tập trung									
a	Vốn quy hoạch									
b	Vốn CBĐT									
c	Vốn THDA									
I	Dự án nhóm A									
1	Dự án...									
	Vốn trong nước									

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Vốn ngoài nước									
II	Dự án nhóm B									
I	Dự án...									
	Vốn trong nước									
	Vốn ngoài nước									
III	Dự án nhóm C									
B	Nguồn để lại theo NQQH									
C	Các nguồn vốn khác (CTMT...)									

B. Thuyết minh các tồn tại, vướng mắc, kiến nghị các biện pháp tháo gỡ.

Ghi chú: + Cột 4 là KLTH tại hiện trường, gồm GTKL thuộc KII năm trước được kéo dài và GTKL thuộc KH năm nay (gồm cả KL vượt KH năm trước được bố trí vào kế hoạch năm nay).

+ Cột số 6 là KLHT năm trước trong kế hoạch vốn năm trước nhưng chưa thanh toán đến 31/12 năm trước, phải chuyển sang năm nay thanh toán do niên độ NSNN hoặc do được kéo dài theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

+ Cột 7 bao gồm cả KLHT năm trước thực hiện vượt kế hoạch vốn năm trước được bố trí vào kế hoạch năm nay.

+ Cột 10 thanh toán KLHT của cột 6.

+ Dự án nhóm B,C, vốn QH, CBĐT báo cáo tổng số.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Xây dựng;
- Tổng cục Thống kê.

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Bộ trưởng (Chủ tịch UBND tỉnh)

Bộ...(UBND tỉnh, thành phố)  
Số...

**BÁO CÁO THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ NĂM.....**

A. Tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư các dự án:

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Kế hoạch vốn đầu tư năm...	Giá trị khối lượng thực hiện tại hiện trường		Giá trị khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu		Số vốn đã được thanh toán (gồm cả tạm ứng và thanh toán KLHT)				Giá trị khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu nhưng chưa được thanh toán			
			Trong năm kế hoạch	Lũy kế từ khởi công	Trong năm kế hoạch	Lũy kế từ khởi công	Trong năm kế hoạch		Lũy kế từ khởi công		Trong năm kế hoạch		Lũy kế từ khởi công	
							Tổng số	Trong đó tạm ứng	Tổng số	Trong đó tạm ứng	Tổng số	KLHT trong kế hoạch vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
	<b>Tổng số</b>													
A	Vốn XDCB tập trung													
a	Vốn quy hoạch													
b	Vốn CBĐT													
c	Vốn THDA													
I	Dự án nhóm A													
I	Dự án...													

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Vốn trong nước												
	Vốn ngoài nước												
II	Dự án nhóm B												
I	Dự án...												
	Vốn trong nước												
	Vốn ngoài nước												
III	Dự án nhóm C												
B	Nguồn để lại theo NQQH												
C	Các nguồn vốn khác (CTMT...)												

B. Thuyết minh các mục tiêu đạt được (chỉ tiêu hiện vật), tồn tại, vướng mắc, kiến nghị các biện pháp tháo gỡ.

Ghi chú: + Số liệu báo cáo theo biểu trên KLTH đến 31/12, số vốn thanh toán đến 31/01 hàng năm.

+ Vốn quy hoạch, CBDT, dự án nhóm B, C chỉ đưa tổng số.

+ Cột 13: KLHT trong kế hoạch vốn nhưng chưa được thanh toán trong năm, được chuyển sang năm sau thanh toán theo niên độ NSNN quy định hoặc được kéo dài thanh toán theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Xây dựng;
- Tổng cục Thống kê.

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Bộ trưởng (Chủ tịch UBND tỉnh)

## Phụ lục số 07

## BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ NĂM...

Tên dự án:

Chủ đầu tư:

Thời gian khởi công - hoàn thành:

Quyết định đầu tư được duyệt:

Tổng mức đầu tư/tổng dự toán được duyệt:

Tình hình thanh toán vốn:

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra			Ghi chú
			Xây dựng	Thiết bị	Chi phí khác	
I	Số liệu của chủ đầu tư					
	Vốn trong nước					
	Vốn ngoài nước					
1	Lũy kế vốn thanh toán từ khởi công					
	Vốn trong nước					
	Vốn ngoài nước					
2	Vốn thanh toán trong năm					
	Vốn trong nước					
	Vốn ngoài nước					
II	Số liệu của KBNN					
	Vốn trong nước					
	Vốn ngoài nước					



Số TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra			Ghi chú
			Xây dựng	Thiết bị	Chi phí khác	
1	Lũy kế vốn thanh toán từ khởi công					
	Vốn trong nước					
	Vốn ngoài nước					
2	Vốn thanh toán trong năm					
	Vốn trong nước					
	Vốn ngoài nước					
III	Chênh lệch					
	Vốn trong nước					
	Vốn ngoài nước					
	Lý do chênh lệch					

Ghi chú: + Số vốn thanh toán trong năm là số vốn được thanh toán theo niên độ NSNN quy định cho năm đó.

Ngày..... tháng..... năm.....  
 Chủ đầu tư  
 Kế toán trưởng      Thủ trưởng đơn vị

....., ngày..... tháng.... năm 20...  
 Kho bạc nhà nước  
 Thủ trưởng đơn vị